TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:148/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 21 - 8 - 2018.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2011 có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do được tự tìm hiểu và được hai bên gia đình chấp nhận, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn tình cảm, bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- *Về quan hệ con chung:* vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Khởi M, sinh ngày 28.4.2011, hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị N đồng ý để

anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung:* không có.
- *Về quan hệ nợ chung:* không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thành T đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Thành T không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Thành T về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, nguyên đơn thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự, riêng anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, về con chung tiếp tục giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Thành T đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Thành T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thành T là có căn cứ.

[2] Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T. anh Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nhưng không khắc phục. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thành T không gửi cho Tòa án ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản tiến hành hòa giải không được. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Khởi M, sinh ngày 28.4.2011, hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị N đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N, anh T không còn chung sống với nhau thì con chung do anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vẫn đảm bảo tốt về thể chất và T sinh lý phát triển tốt. Hơn nữa anh T cũng không có ý kiến gì về việc chị N đồng ý để anh được tiếp tục nuôi con chung. Do đó để đảm bảo cho cháu M được ổn định cuộc sống với anh T, phát triển tốt T sinh lý. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu M cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Xét về mức cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu, không ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Chị N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền tới lui trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản chị N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản chung: chị N trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: ghi nhận chị N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng M nợ chung của chị N và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì chị N và anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về quan hệ con chung: anh Nguyễn Thành T được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Khởi M, sinh ngày 28.4.2011 cho đến tuổi thành niên và lao động được. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền tới lui trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản chị N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: chị N trình bày không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận chị N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng M nợ chung của chị N, anh T trong thời kỳ hôn nhân thì chị N, anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019265 ngày 01.3.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Bảo Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Lâm Sơn **Nguyễn Thị Bích Liễu** **Lê Lâm Bảo N**